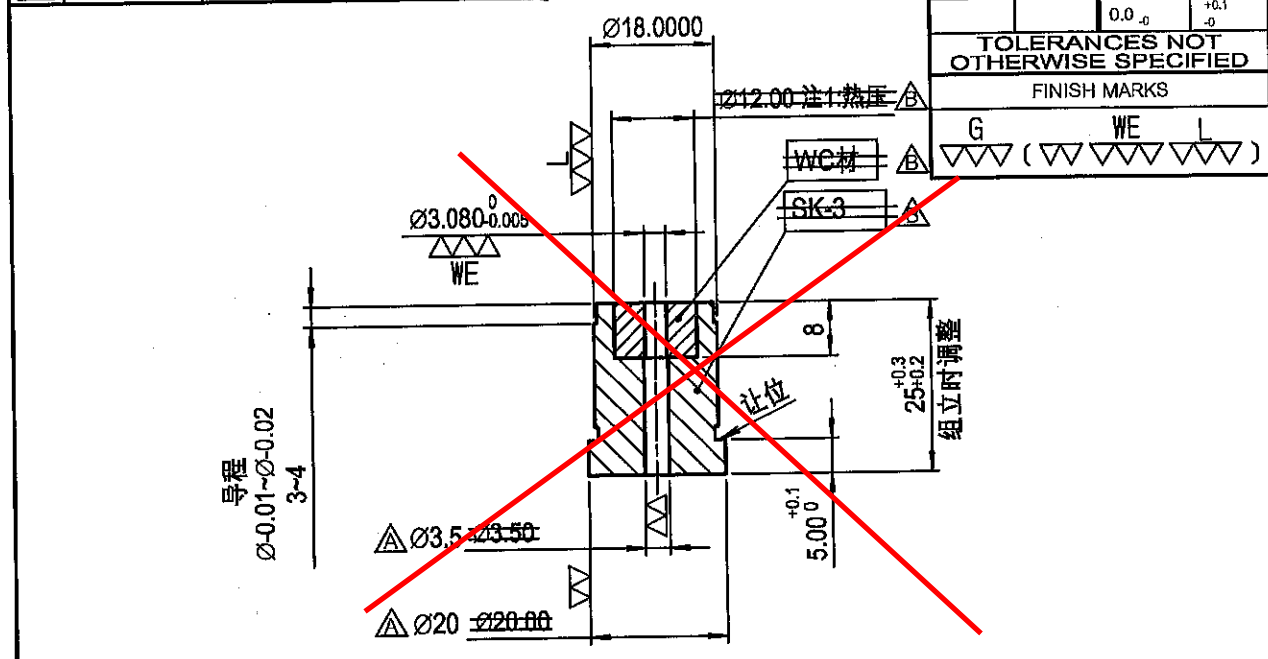


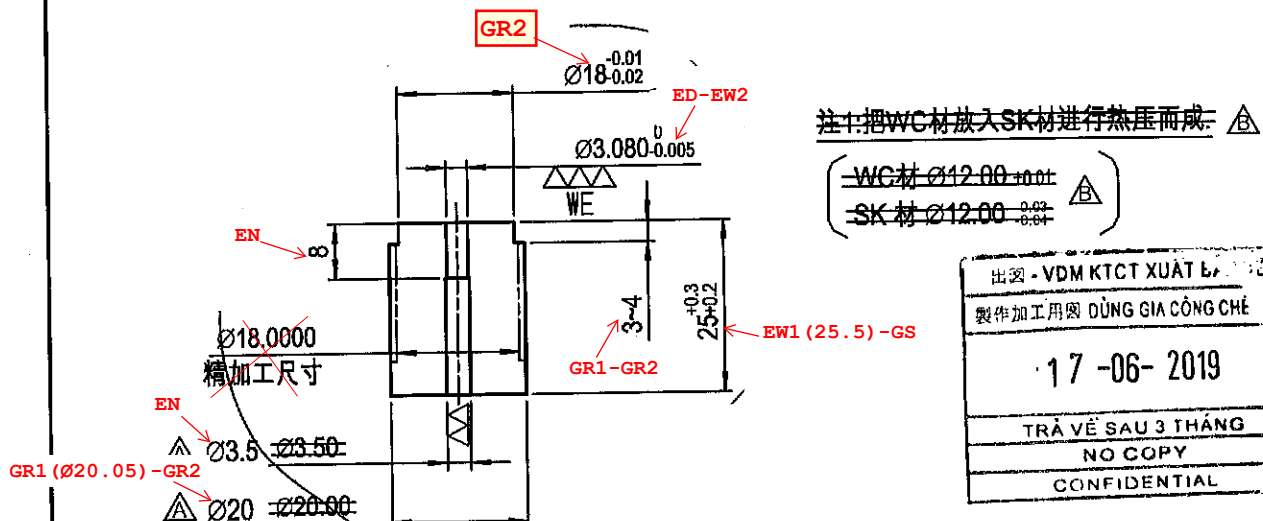
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWG.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.						0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△	2010/10/14	公差緩和				0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△	2012/04/17	材質一体化, WC(D25/HIP)+SK3+WC(D25/HIP) (現物識別不要)	T-VNM-1203-000			0.0	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.	± 0.1	0.0 -0	+0.01 -0
						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0



Côn 3'30" tính từ mặt trên

1. 刃口斜角由凹模上面算起為3'30"(KC-050)

2. 備用品如上圖進行加工, 有關精加工在各個工場各自進行(KC-111)



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	部品図		穴抜きダイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		HOLE BRANKING DIE
HRC		部品図		穿孔下模
		部品図		穿孔下模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D25/HIP)	2007/05/28	1:1		S723975

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

213 19 06 249

SNO: **S723975**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P